TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày: 26-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khôi;

2. Bà Vũ Thị Duyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình mở phiên toà sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 91/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Văn S, sinh năm 1983 tại Ninh Bình; giới tính: nam; Số căn cước công dân: 036083009421 cấp ngày 27/3/2023. Nơi cư trú: xóm B, xã N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1958 và con bà Lâm Thị N, sinh năm 1953; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2; có vợ Phạm Thị H, sinh năm 1985; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". *"có mặt"*

Bị hại: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988;Nơi cư trú: Xóm B, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Người làm chứng: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1973; *"vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 31/3/2026, Phạm Văn S, sinh năm 1983, trú tại xóm T (nay là xóm B), xã N, tỉnh Ninh Bình sang nhà anh Phạm Văn Đ, sinh

năm 1973, là người cùng xóm để ăn cỗ cùng với các anh Phạm Văn T1 sinh năm 1993, Phạm Văn T2 sinh năm 1981, Lâm Văn C sinh năm 1978, Chu Văn Đ1 sinh năm 1977, Đỗ Văn M sinh năm 1974 cùng trú tại xã N. Sau đó, anh Lê Văn T, sinh năm 1989, trú tại xóm B cũng đến ngồi ăn uống cùng mọi người tại sân nhà anh Đ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, giữa S và anh T có xảy ra to tiếng cãi nhau về việc S gọi anh T1 là "anh", T bảo S cũng phải gọi T là "anh", T bảo S láo, yêu cầu S phải gọi T là "anh", S có trả lời "tao chỉ gọi mày là em thôi" thì anh T nói với S là "mày láo", S nói "mày có tin tao cầm bát ném vào mặt mày không?", anh T chửi S nên S đã dùng tay phải cầm chiếc bát ăn cơm bằng sứ ở mâm cỗ ném trúng vào mắt trái anh T, rồi S tiếp tục cầm 01 bát đựng canh bằng sứ ném vào người anh T. Hậu quả anh T bị thương ở mắt bên trái, vết thương xuyên nhãn cầu không có dị vật nội nhãn, chấn thương rách mi, rối loạn khúc xạ khác, rách da ở các vùng cung mày trái, má trái và vùng thái dương trái, dẫn đến phải đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đ2 và Bệnh viên Mắt Trung ương từ ngày 31/3/2026 đến ngày 09/4/2026 xuất viện, hiện sức khoẻ anh T đã ổn định.

Tại bản Kết luận giám định số 275/KLTTCT-TTPY, ngày 22/5/2026, của Trung tâm pháp y tỉnh N, kết luận: tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn T tại thời điểm giám định là 23%. Cơ chế hình thành thương tích: do vật tày có cạnh trực tiếp gây ra.

Tại bản Kết luận giám định số 1838/KL-KTHS ngày 20/4/2026, của Phòng K1 Công an tỉnh N, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong toàn bộ mẫu vật cần giám định.

Vật chứng đã thu giữ:

- 03 mảnh bát vỡ bằng sứ màu trắng có kích thước lần lượt là (14x8)cm, (15x8)cm, (7x5)cm bên ngoài có hoa văn hình bông hoa màu hồng; 04 mảnh bát vỡ bằng sứ màu trắng có kích thước lần lượt là (7x1,5)cm, (3x1,5)cm, (4x6)cm, (4x3)cm.

- 01 đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video thu giữ tại nhà anh Phạm Văn Đ được lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Phạm Văn S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Phạm Văn S đã bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền là 100.000.000 đồng. Anh T đã nhận tiền, không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn S.

Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Ninh Bình truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn S thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Ninh Bình thực hành quyền công tố tại phiên toà: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Phạm Văn S từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và đề nghị xử lý vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn S đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại anh Lê Văn T đầy đủ. Đến nay anh T không có đề nghị thêm về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ như: bản kết luận giám định thương tích, lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 31/3/2026, do có mâu thuẫn với nhau trong quá trình ăn uống tại nhà anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1973, ở xóm B, xã N, tỉnh Ninh Bình, Phạm Văn S đã dùng tay phải cầm bát ăn cơm bằng sứ ném vào mắt trái của anh Lê Văn T làm anh T bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 23%. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều

134 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Điều 134. Bộ luật Hình sự: "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác" quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng...hung khí nguy hiểm...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này"...

[4] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những trực tiếp xâm hại đến sức khoẻ của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại trong quá trình ăn uống với nhau. Bị cáo cho rằng bị hại có lời lẽ không đúng gây ức chế cho bị cáo nên đã dùng cầm bát ăn cơm bằng sứ ném vào mắt trái của bị hại. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ về hành vi dùng bát sứ ném người khác là nguy hiểm nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, do đó, cần phải xử lý nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; Sự việc xảy ra khi cả bị cáo và bị hại đang cùng nhau ăn cỗ và bị cáo không có sự chuẩn bị trước. Sau khi nhận thức hành vi là vi phạm pháp luật bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại và chi phí điều trị cho bị hại. Phía bị hại cũng có một phần lỗi là có lời lẽ không đúng với bị cáo trước. Bị hại đã nhận được bồi thường đầy đủ và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, từ trước tới nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân. Ngoài ra bị cáo đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn và xin được cải tạo tại địa phương do hiện bị cáo

đang nuôi ba con nhỏ và có mẹ già mắc bệnh tâm thần phân liệt hiện ốm nằm liệt. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, cũng đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Lê Văn T. Đến nay anh T không có đề nghị thêm về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 03 mảnh bát vỡ bằng sứ màu trắng có kích thước lần lượt là (14x8)cm, (15x8)cm, (7x5)cm bên ngoài có hoa văn hình bông hoa màu hồng; 04 mảnh bát vỡ bằng sứ màu trắng có kích thước lần lượt là (7x1,5)cm, (3x1,5)cm, (4x6)cm, (4x3)cm do Phạm Văn S sử dụng gây thương tích cho anh T nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 33 (ba mươi ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Căn cứ Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 38 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, bị cáo Phạm Văn S không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

1.4. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Phạm Văn S.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 03 mảnh bát vỡ bằng sứ màu trắng có kích thước lần lượt là (14x8)cm, (15x8)cm, (7x5)cm bên ngoài có hoa văn hình bông hoa màu hồng; 04 mảnh bát vỡ bằng sứ màu trắng có kích thước lần lượt là (7x1,5)cm, (3x1,5)cm, (4x6)cm, (4x3)cm.

Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Thủ kho vật chứng thuộc kho vật chứng Công an tỉnh N.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Phạm Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh +khu vực 9;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Nam Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn K **Vũ Thị D**